

Đầu tư trực tiếp nước ngoài của Philippines tại Việt Nam trong những năm gần đây

NGUYỄN THỊ LAN VINH*

Tóm tắt: Qua hơn 30 năm đổi mới và hội nhập, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia có nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực và trên thế giới. Cùng với việc mở rộng quan hệ ngoại giao chính trị, các hoạt động kinh tế giữa Việt Nam với các nước đặc biệt là các quốc gia Đông Nam Á đã có nhiều chuyển biến tích cực. Giá trị thương mại hàng hoá song phương, đa phương của Việt Nam và các nước đã từng bước giúp Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài. Một trong những quốc gia Đông Nam Á có mức độ đầu tư đáng chú ý ở Việt Nam trong những năm gần đây là Philippines. Bài viết này phân tích những hạn chế và thuận lợi trong quá trình Philippines đầu tư vào Việt Nam cũng như các lĩnh vực đầu tư chủ yếu. Cuối cùng, bài viết còn đưa đến những lý giải về mối quan hệ đầu tư song phương giữa Việt Nam và Philippines, nêu lên những thách thức và tiềm năng trong hợp tác đầu tư giữa Việt Nam và Philippines trong những giai đoạn tiếp theo.

Từ khoá: Kinh tế, Đầu tư, Việt Nam, Philippines.

Đặt vấn đề

Sau hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, môi trường chính trị xã hội ổn định, là thành viên của nhiều tổ chức trên thế giới và khu vực. Theo Báo cáo đầu tư năm 2017 của UNCTAD, Việt Nam là một trong những địa điểm đầu tư tiềm năng nhất thế giới⁽¹⁾. Theo số liệu của Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và đầu tư) năm 2019, vốn FDI vào Việt Nam đạt 20,38 tỷ USD, khẳng

định vị thế của Việt Nam trong hoạt động thu hút nguồn FDI ở khu vực và thế giới. Sự ra đời của Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) đã gia tăng dòng chảy đầu tư từ các nước Đông Nam Á, đặc biệt là Philippines. Ngoài ra, việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và Philippines năm 2015 đã mở ra nhiều cơ hội mới cho nước này đầu tư trực tiếp vào Việt Nam, từ đó tăng cường niềm tin và củng cố mối quan hệ giữa hai nước ngày càng sâu sắc.

1. Nhân tố tác động đến đầu tư của Philippines vào Việt Nam

1.1. Việt Nam là quốc gia ổn định và phát triển

Việt Nam qua hơn 30 năm đổi mới đã trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được tăng cường, bộ mặt đất nước và đời sống nhân dân có nhiều thay đổi, dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Quan hệ đối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao⁽²⁾.

Kinh tế tăng trưởng nhanh, từ năm 1986 đến 2006 trung bình mỗi năm đạt mức tăng trưởng 6,8%⁽³⁾, và giai đoạn 2006 - 2016 bình quân tăng 6,1%/năm và mức lạm phát dưới 4%⁽⁴⁾ trở thành một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế vào hàng cao nhất thế giới, cải thiện đáng kể chỉ số GDP bình quân đầu người. Bên cạnh đó, dân số tăng ổn định 1 triệu người/năm, cùng với đó năng suất lao động tăng dần đều qua các năm, kinh tế tăng trưởng tạo thêm nhiều việc làm mới góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp năm 2018 ở mức 2,2%⁽⁵⁾. An sinh xã hội dần được đảm bảo nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, phát triển con người thông qua các chương trình giáo dục - đào tạo từ tiểu học đến đại học và sau đại học với số lượng người học và trường học không ngừng tăng lên...

Việt Nam là một trong số ít quốc gia có khả năng thu hút đầu tư lớn nhất Đông Nam Á. Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO và với hệ thống pháp luật được chỉnh

sửa và hoàn thiện, mạng lưới giáo dục phát triển toàn diện, sự hỗ trợ từ các nước phát triển nâng cao cơ sở hạ tầng và công nghiệp đã góp phần thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam. Chính phủ Việt Nam thông qua Nghị quyết 19/NQ-CP năm 2014, Nghị quyết 35/NQ-CP năm 2016 về cải thiện môi trường kinh doanh, thực hiện nhiều chính sách nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tập trung vào đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước, hệ thống tài chính - ngân hàng, triển khai các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư nước ngoài như miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế nhập khẩu một số ngành hàng, miễn giảm tiền thuê và sử dụng đất⁽⁶⁾...

Cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, nền chính trị được duy trì ổn định, dân số lao động trẻ đông, tỷ lệ lạm phát thấp, chi phí nhân công rẻ, liên kết thị trường khá tốt. Theo báo cáo của Tổng Cục thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), năm 2018, tổng vốn đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài là 24,34 tỷ USD, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2017 (17,5 tỷ USD), theo tỷ lệ GDP đầu người thì vốn FDI vào Việt Nam vượt Trung Quốc, Ấn Độ và phần lớn các nước ASEAN⁽⁷⁾. Mặc dù còn nhiều thách thức và khó khăn, Việt Nam vẫn được đánh giá là một thị trường có tính cạnh tranh cao, với sự ổn định về an ninh xã hội và tăng trưởng hấp dẫn.

Việc thực hiện các hiệp định thương mại tự do đã có và tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, cùng với việc hình thành Cộng đồng ASEAN vào cuối năm 2015 mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho phát triển nhưng cũng đặt ra không ít khó

khăn, thách thức. Điều đó đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, hành động quyết liệt và năng động, sáng tạo để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững⁽⁸⁾.

1.2. Môi trường đầu tư tương đối thuận lợi

Năm 1987, Luật đầu tư nước ngoài của Việt Nam ra đời. Đây là văn bản luật đầu tiên góp phần tạo ra khung pháp lý cho việc hình thành nền kinh tế thị trường tại Việt Nam. Những năm sau đó, Luật doanh nghiệp tư nhân và Luật công ty ra đời (1991), và Hiến pháp sửa đổi năm 1992 đã khẳng định đảm bảo sự tồn tại và phát triển của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường và khu vực đầu tư nước ngoài đã đưa đến sự ra đời của Luật đất đai, Luật thuế, Luật phá sản, Luật môi trường, Luật lao động và nhiều loại văn bản luật khác được ban hành nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Song song với quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, Việt Nam đã tập trung vào việc đưa ra nhiều sáng kiến về quản lý kinh tế, thành lập hàng loạt các tổ chức tài chính, ngân hàng, hình thành các thị trường cơ bản như thị trường tiền tệ, thị trường lao động, thị trường hàng hóa, thị trường đất đai... Chiến lược cải cách hành chính giai đoạn 2001-2010 tạo ra một thể chế năng động, đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài trong thời kỳ mới, ngày 20/8/2019 Việt Nam ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW về "Định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030" có tầm quan trọng trong tiến trình

thúc đẩy kinh tế Việt Nam tăng trưởng bền vững.

Chính sách tự do hoá thương mại đã khuyến khích nhiều loại hình kinh doanh theo cơ chế thị trường, gia tăng tính hiệu quả trong việc huy động các nguồn lực xã hội, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường cho hàng hóa xuất khẩu và phát triển các ngành du lịch, xuất khẩu lao động, giao dịch ngoại tệ... nhằm tạo nên sự đa dạng trong các hoạt động tích lũy vốn cho phát triển đất nước. Sau cải cách, Việt Nam dần hoàn thiện hệ thống giao thông, xây dựng nhiều khu công nghiệp, ban hành nhiều văn bản tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động, giảm dần sự chênh lệch giữa các vùng, tập trung đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp... Việt Nam còn cam kết tự do hoá đầu tư, từ năm 1998, các nước thành viên ASEAN đã ký kết Hiệp định khung về Khu vực đầu tư ASEAN (AIA) với mục tiêu biến ASEAN thành nơi đầu tư có sức hấp dẫn và cạnh tranh cao. Việt Nam và các nước ASEAN đã triển khai xây dựng, mở cửa nhiều ngành nghề, công khai hoá các chính sách tạo thuận lợi cho việc xuất nhập cảnh và đi lại của doanh nhân, thủ tục hải quan tinh giản, giảm và tiến tới loại bỏ những rào cản phi thuế quan không phù hợp..

1.3. Lĩnh vực đầu tư khá đa dạng

Những mục tiêu, lĩnh vực ưu tiên trong đầu tư ở Việt Nam là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo hướng vào xuất khẩu và các vùng kinh tế trọng điểm của đất nước. Ở Việt Nam, lĩnh vực có sức thu hút lớn từ bên ngoài bao gồm:

Thứ nhất, thuê ngoài quy trình kinh doanh (Business Process Outsourcing-

BPO) đang có sự thuận lợi về nhân lực, nhiều lao động trẻ gia nhập thị trường công nghệ thông tin, tốc độ tăng trưởng từ 20% đến 35% hàng năm trong thập niên qua. Tuy nhiên, ở Việt Nam quy mô và hoạt động BPO còn khá nhỏ và mới chỉ đạt hơn 2 tỷ USD, trong khi đó ở Ấn Độ thị trường này ước tính đạt 143 tỷ USD⁽⁹⁾. Đây là ngành có nhiều tiềm năng để thu hút đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.

Thứ hai, Việt Nam nằm trong khu vực địa lý gió mùa thuận lợi cho việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các nguồn năng lượng từ gió và mặt trời song song với khai thác các nguồn lực khác như thủy điện, than và dầu, khí... Đầu thế kỷ XXI, nguồn nhiên liệu than và dầu khí ở Việt Nam ngày càng khan hiếm phải nhập khẩu từ nước ngoài trong khi đó mức tiêu thụ năng lượng nội địa tăng nhanh dẫn đến tình trạng các ngành sản xuất công, nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, giá thành sản phẩm cao, khó cạnh tranh trong thị trường mở. Vì vậy, đây là một trong những lĩnh vực có xu hướng được đầu tư mạnh mẽ và sẽ được Chính phủ Việt Nam coi những cơ chế, chính sách ưu đãi.

Thứ ba, toàn cầu hoá đã thúc đẩy ngành du lịch phát triển, kéo theo sự gia tăng nhanh chóng của hàng loạt dịch vụ phụ trợ, trong đó lĩnh vực khách sạn hạng sang đang là thị trường tiềm năng. Đáp ứng nhu cầu đó, số lượng khách sạn hạng sang và cao cấp ở Việt Nam cũng được đầu tư dưới nhiều hình thức, tuy nhiên vẫn còn thấp so với những điểm đến du lịch lớn trong khu vực.

Thứ tư, Việt Nam là quốc gia nông nghiệp đang trên đường công nghiệp hoá nên việc ứng dụng công nghệ vào sản xuất

đang mở ra cơ hội lớn cho ngành nông nghiệp hiện đại và công nghiệp thực phẩm. Tăng trưởng kinh tế cùng với thu nhập tăng cao và quá trình đô thị hóa nhanh đã làm thay đổi lối sống, thói quen ăn uống, tiêu dùng, khách hàng ngày càng chuộng các loại thực phẩm đóng gói, đã qua chế biến với chất lượng và mang tính tiện dụng cao. Những năm tới, ngành nông nghiệp công nghệ cao đang là mục tiêu của các nhà đầu tư hướng tới với triển vọng đạt được những lợi ích nhất định.

Thứ năm, hệ thống ngân hàng bán lẻ là lĩnh vực mang lại doanh thu cao, phát triển chắc chắn và ít rủi ro, chú trọng đến đối tượng khách hàng cá nhân, thay vì nhóm khách hàng doanh nghiệp. Việt Nam với dân số gần 100 triệu người tốc độ tăng thu nhập và tăng trưởng của các loại hình doanh nghiệp là thị trường đầy tiềm năng của dịch vụ trong tương lai.

2. Thực trạng đầu tư của Philippines vào Việt Nam

Philippines đứng thứ 33/128 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam và thứ 6 của ASEAN năm 2018⁽¹⁰⁾. Thành tựu này đã đưa quan hệ hai nước phát triển lên một tầm cao mới. Thông qua các cuộc tiếp xúc trao đổi giữa hai Chính phủ, Hiệp định Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư được ký tháng 2/1992 quy định Xúc tiến và bảo hộ đầu tư; Dải ngộ tối huệ quốc; tháng 3/1992 Bản ghi nhớ về hợp tác liên doanh trong một số lĩnh vực của nông nghiệp được ký kết nhằm tăng thêm hiệu quả đầu tư của hai nước.

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, tính đến hết tháng 5/1996, Philippines có 12 dự án có hiệu lực trong

đầu tư liên doanh ở Việt Nam với tổng giá trị là 178,8 triệu USD (đứng thứ 19 trong tổng số 54 nước và lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam). Hai dự án đầu tư lớn của Philippines vào Việt Nam là nhà máy lắp ráp ô tô Hoà Bình trị giá 12 triệu USD, dự án Trung tâm thương mại hàng hoá Hà Nội 12 triệu USD⁽¹¹⁾. Nhìn chung, giai đoạn này do nhiều tác động trong nước và bên ngoài, nên dòng vốn tư bản của Philippines vào Việt Nam còn khiêm tốn, và lĩnh vực đầu tư chưa đa dạng. Tuy nhiên đây là dấu hiệu tích cực cho mối quan hệ giữa hai nước và có nhiều triển vọng trong những giai đoạn tiếp theo. Trước những thành tựu trong quan hệ thương mại Việt Nam - Philippines những năm gần đây, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước đạt 2 tỷ USD (năm 2009) và 3,2 tỷ USD (tháng 7/2019) theo số liệu của Cục Xúc tiến Thương mại Bộ Công thương Việt Nam tháng 9/2019 nên các hoạt động đầu tư của Philippines vào Việt Nam ngày càng tăng về số lượng và giá trị của các dự án đầu tư. Tháng 10/2009, Philippines có 43 dự án còn hiệu lực với tổng số vốn đầu tư hơn 300 triệu USD, đứng thứ 26/86 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam⁽¹²⁾.

Do chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 2008-2009 nên mức độ đầu tư của Philippines vào Việt Nam chưa có sự gia tăng đáng kể, và các lĩnh vực đầu tư chú trọng các ngành Việt Nam chiếm lợi thế: công nghiệp thực phẩm, sản xuất bột và thức ăn gia súc và các ngành dịch vụ ăn uống, phát triển nhà, phẩm dược, chứng khoán, vận tải hàng không.. Nếu như năm 2011 Philippines có thêm 9 dự án đầu tư với tổng số vốn 2,5 triệu USD thì đến năm 2012, tình hình đầu tư của Philippines tại Việt Nam có sự gia tăng mới. Tính đến tháng 10/2012, Philippines có 62 dự án với tổng số vốn đăng ký là 277,8 triệu USD, đứng thứ 27 trong tổng số các nước và lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam, và đứng thứ 5 trong các nước ASEAN⁽¹³⁾.

Từ năm 2014 đến 2018, kinh tế phục hồi sau khủng hoảng nên thương mại Việt Nam và Philippines có bước phát triển mạnh mẽ, kéo theo sự gia tăng đầu tư của Philippines vào Việt Nam. Nhiều dự án của Philippines rất thành công và tạo nhiều lợi ích cho Việt Nam và doanh nghiệp Philippines. (Xem Bảng 1)

Các hoạt động đầu tư của Philippines vào Việt Nam có số lượng dự án và nguồn vốn chưa thực sự nhiều, còn khiêm tốn và

Bảng 1: Đầu tư của Philippines vào Việt Nam giai đoạn 2014 - 2018

Năm	Tổng số dự án	Tổng số vốn đăng ký (triệu USD)
2014	68	294
2015	72	328
2016	74	340
2017	76	328
2018	78	352

Nguồn: Ban Quan hệ quốc tế (Phòng thương mại công nghiệp Việt Nam VCCI)⁽¹⁴⁾

chủ yếu đầu tư vào những ngành tiêu dùng phổ biến, phục vụ nhu cầu số đông bằng nhiều hình thức: đầu tư nhà máy, xây dựng kênh phân phối hoặc thông qua mua cổ phần các công ty trong nước để dần biến đổi tác trở thành đơn vị phân phối sản phẩm, đáp ứng thị trường có quy mô lớn như Việt Nam. Tuy nhiên, khối lượng đầu tư này khá hiệu quả giúp các doanh nghiệp Philippines thâm nhập vào một số lĩnh vực khá quan trọng như cơ sở hạ tầng, ngành thực phẩm và đồ uống, dược phẩm, chế biến thức ăn chăn nuôi ở thị trường Việt Nam.

So với các nước ASEAN khác, đầu tư của Philippines vào Việt Nam đứng vị trí thứ 6, sau Singapore, Malaysia, Thái Lan, Indonesia và Brunei. Nguồn vốn đổ vào Việt Nam của các nước Đông Nam Á chủ yếu đến từ ASEAN - 6, còn các nước Lào, Campuchia và Myanmar với số vốn đáng kể dưới 100 triệu USD⁽¹⁵⁾. Từ sau khủng hoảng tài chính châu Á 2008-2009, tỷ lệ vốn của các nước thành viên ASEAN tăng dần đều qua từng năm chứng tỏ được sức hút cũng như tiềm năng kinh tế của Việt Nam đối với khu vực. Khác với các nước trong ASEAN - 6, Philippines vẫn còn nhiều trở ngại trong tiến trình mở rộng nguồn vốn đầu tư. Đó là: (i) Sự tương đồng giữa các ngành kinh tế tiềm năng thu hút đầu tư; (ii) Cơ sở hạ tầng của Việt Nam còn nhiều bất cập làm cho các nhà đầu tư Philippines chưa mạnh dạn thúc đẩy các hoạt động gia tăng nguồn tư bản trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, dược phẩm, mà chú trọng đến ngành công nghiệp thực phẩm, đồ uống và hệ thống bán lẻ...; (iii) Hệ thống pháp lý của Việt Nam chưa hoàn thiện theo cơ chế thị trường, chưa thực sự tạo nên tính đột phá

trong việc tìm kiếm những đối tác tiềm năng cũng như chưa tận dụng hết những lợi thế tương đồng từ Philippines; (iv) Chưa có hệ thống dữ liệu thị trường phong phú để tranh thủ được những ưu thế sẵn có nhằm tạo nên một mạng lưới thông tin đầy đủ và cập nhật thường xuyên...

3. Triển vọng đầu tư của Philippines vào Việt Nam

Trong 2 thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, mạng lưới kỹ thuật công nghệ thông tin của Việt Nam có những tiến triển nhưng chưa thực sự trở thành động lực thu hút đầu tư. Vì vậy, hoạch định chiến lược những năm tới của thế kỷ XXI, với sự lan toả nhanh chóng của thời đại công nghiệp 4.0 thì lĩnh vực công nghệ thông tin đang là một trong những lĩnh vực đầu tư trọng điểm và có quy mô lớn. Philippines là quốc gia có một nền tảng công nghệ thông tin lớn bao trùm lên toàn lãnh thổ, có một hệ thống thông tin cơ bản liên kết giữa các vùng trong nước, trong khu vực và quốc tế tạo sự thuận lợi trong việc tiếp nhận cũng như trao đổi thông tin đầu tư, dẫn đến hiệu quả đầu tư ngày càng có chiều sâu và đạt được mục đích xây dựng và phát triển kinh tế bền vững.

Ngoài ra, với các nước đang tiến hành công nghiệp hoá như Việt Nam và Philippines thì dịch vụ bán lẻ: tiết kiệm, thanh toán, cho vay tiêu dùng, thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ đang có xu hướng phát triển mạnh mẽ, trở thành kênh đầu tư tiềm năng, có tác dụng đẩy nhanh quá trình luân chuyển tiền tệ, tận dụng nguồn lực to lớn về vốn của các thành phần kinh tế để cải thiện đời sống dân cư, hạn chế thanh toán tiền mặt, góp phần giảm thiểu chi phí và thời gian cho ngân hàng và

khách hàng. Tận dụng lợi thế này, hiện nay, các nhà đầu tư Philippines đang đổ dòng vốn vào việc sở hữu cổ phần tại các công ty ở Việt Nam nhằm tranh thủ nguồn lực của dịch vụ bán lẻ để tạo nên một thị trường lớn đem lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp này.

Cùng với mạng lưới thông tin rộng khắp của Philippines, các hoạt động phát triển dịch vụ bán lẻ gắn liền với tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ trên cơ sở đổi mới toàn diện và đồng bộ hệ thống ngân hàng đã đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và mở cửa thị trường tài chính Việt Nam cũng góp phần gia tăng nhanh chóng nguồn tư bản từ Philippines đổ vào. Sự tiện lợi trong các hình thức giao dịch mua bán đã tạo nên sự phát triển liên tục của sản phẩm ngân hàng điện tử (internet banking) trong hoạt động triển khai các dịch vụ cung cấp thông tin, thanh toán hóa đơn định kỳ, chuyển tiền trong hệ thống; dịch vụ thẻ và cho vay tiêu dùng cũng gia tăng mạnh với khoảng 10.200 máy ATM, 37.000 máy quẹt thẻ POS, 47 ngân hàng phát hành 23 triệu thẻ thanh toán, nhiều chi nhánh ngân hàng khác nhau được thành lập để đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, hệ thống tài chính tiền tệ phát triển và liên kết chặt chẽ với nhau đã nảy sinh nhiều dịch vụ mới: dịch vụ ngân hàng kết hợp với bảo hiểm, chứng khoán, vàng được triển khai ngày càng nhiều. (Ví dụ của loại sản phẩm này là mô hình "bancassurance" - bán dịch vụ bảo hiểm thông qua ngân hàng). Như vậy, ngân hàng bán lẻ đang có đủ tiền đề để bùng nổ và khả năng đầu tư là rất lớn⁽¹⁶⁾. Đây là một trong những lĩnh vực tiềm năng mà trong tương lai các doanh nghiệp Philippines muốn đầu tư vào Việt Nam.

Nhằm đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, Philippines đã gia tăng mức độ và nguồn vốn vào các dự án mũi nhọn như các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, thực phẩm và lĩnh vực nông nghiệp là thế mạnh của Việt Nam. Những năm đầu các dự án đầu tư nông nghiệp thực phẩm của hai nước chưa nhiều, chủ yếu là đơn phương từ Philippines vào Việt Nam. Có thể nói, đây là lĩnh vực có thế mạnh của hai quốc gia, ngoài gạo là mặt hàng nông sản chính trong kim ngạch xuất khẩu còn có dưa và cà phê cũng có giá trị cao trong thương mại của Việt Nam và Philippines; là lĩnh vực đầu tư sinh lợi cao và đang trở thành yếu tố hàng đầu trong vấn đề an ninh lương thực toàn cầu và khu vực.

Những năm qua, đầu tư giáo dục là một trong những hoạt động có tính nổi bật trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Philippines, Cộng đồng ASEAN hình thành là một lợi thế cho sự giao lưu giữa các nền học thuật trên thế giới, tranh thủ điều kiện này, Philippines đã có những dự án hợp tác trong lĩnh vực giáo dục tại Việt Nam: hợp tác giảng dạy tiếng Anh cho các trường học ở Việt Nam, cung cấp giảng viên tiếng Anh. Trong thời gian tới, Philippines tiếp tục xúc tiến các dự án đào tạo nguồn lực kết hợp thảo luận với các trường đại học ở địa phương tìm cơ hội hợp tác và đầu tư.

Kết luận

Đầu thế kỷ XXI, tình hình đầu tư của Philippines vào Việt Nam có sự chuyển biến tích cực, giá trị đầu tư cao hơn nhiều lần so với các giai đoạn trước đó. Tận dụng những ưu thế hội nhập kinh tế thế giới mang lại, vượt qua những định kiến và

hạn chế về chính sách, Việt Nam và Philippines đã gia tăng mức độ gắn bó sâu sắc hơn, không ngừng đưa kim ngạch thương mại hai chiều đạt mốc tỷ USD và những hạng mục đầu tư cũng tăng dần qua từng năm với giá trị triệu USD cho mỗi dự án. Từng bước nâng quan hệ hai nước vượt lên tầm đối tác chiến lược, bạn hàng thân thiết và đối tác chiến lược toàn diện là mục tiêu mà Philippines và Việt Nam hướng đến.

Với thị trường mở và chính sách thống nhất ở Việt Nam là điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Philippines có những dự án hợp tác đầu tư với giá trị và quy mô lớn. Philippines và Việt Nam phải có những phương hướng điều chỉnh, chia sẻ với nhau những hạn chế còn tồn tại cũng như kinh nghiệm và thông tin trên các lĩnh vực thì khả năng hợp tác đầu tư của hai nước trong giai đoạn tới sẽ có những chuyển biến mới, trị giá của các hợp đồng đầu tư sẽ cao hơn, góp phần nâng cao quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và Philippines./

CHÚ THÍCH

1. Trung tâm xúc tiến đầu tư phía Nam (2017), *Đầu tư từ các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam giữ nhịp tăng trưởng ổn định và đều đặn*, Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và đầu tư.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr 66.
3. Nguyễn Quán (2006), *Mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2006-2010 với tám điều lý giải về thời kỳ tăng trưởng kinh tế cao nhất (1991-1995) trong 20 năm đổi mới*, Tổng Cục Thống kê ngày 11/9/2006, <http://www.gso.gov.vn>, truy cập ngày 3/2/2020.
4. Tin tức Tài chính (2018), *Phát triển kinh tế nhanh, bền vững ở Việt Nam hiện nay*, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính, ngày 31/8/2018, <https://www.mof.gov.vn/>, truy cập ngày 12/11/2019.
5. Nguồn Tổng Cục Thống kê năm 2018.
6. Trung tâm xúc tiến đầu tư phía nam(2017), *Đánh giá vị thế cạnh tranh thu hút vốn FDI của Việt Nam với các nước trong khu vực ASEAN*, Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
7. Vũ Minh (2018), "Đổi mới chiến lược trong thu hút đầu tư nước ngoài", *Báo Nhân dân*, ngày 6/10/2018.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr 266-269.
9. Vnexpress (2017), *5 lĩnh vực có cơ hội tăng trưởng và đầu tư hàng đầu Việt Nam*, ngày 19/10/2017.
10. Bộ Ngoại giao Việt Nam (2018), *Thông tin cơ bản về Philippines và quan hệ Việt Nam - Philippines*, tháng 12/2018. <http://mofahcm.gov.vn>, truy cập ngày 11/12/2019.
11. Đinh Quý Độ (1997), *Kinh tế Philippin*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 154-155.
12. Số liệu Cổng Thông tin điện tử Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, <http://chinhphu.vn>, truy cập ngày 10/12/2019
13. Trung tâm xúc tiến thương mại đầu tư, ITPC (2013), *Hồ sơ thị trường Philippines 2013*, tr 49.
14. Ban Quan hệ quốc tế, VCCI (2016), *Hồ sơ thị trường Philippines*.
15. Trung tâm xúc tiến đầu tư phía Nam (2017), *Đầu tư từ các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam giữ nhịp tăng*

trường ổn định và đều đặn, Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

16. Web An ninh Tiền tệ và Truyền thông (2017), *Tại sao các ngân hàng Việt Nam lại tập trung vào lĩnh vực bán lẻ?*, ngày 9/6/2017.

thế của Việt Nam trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước CPTPP”, *Tạp chí Công thương*, ngày 5/7/2018.

12. Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Anh Thu (2015), *Cộng đồng kinh tế Asean (AEC): Bối cảnh và kinh nghiệm quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

13. Nguyễn Nam (2015), *Hồ sơ thị trường Philippines 2013, 2015*, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI).

14. Nguyễn Quán (2006), *Mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2006-2010 với tám điều lý giải về thời kỳ tăng trưởng kinh tế cao nhất (1991-1995) trong 20 năm đổi mới*, Tổng Cục Thống kê ngày 11/9/2006.

15. Trung tâm xúc tiến đầu tư phía Nam (2017), *Đánh giá vị thế cạnh tranh thu hút vốn FDI của Việt Nam với các nước trong khu vực ASEAN*, Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư., truy cập ngày 5/7/2019

16. Trung tâm xúc tiến đầu tư phía Nam (2017), *Đầu tư từ các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam giữ nhịp tăng trưởng ổn định và đều đặn*, Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư., truy cập ngày 5/7/2019

17. Trung tâm xúc tiến thương mại-đầu tư, ITPC (2013), *Hồ sơ thị trường Philippines 2013*.

18. Vnexpress (2017), “5 lĩnh vực có cơ hội tăng trưởng và đầu tư hàng đầu Việt Nam”, ngày 19/10/2017.

19. Vũ Dương Huân (2018), “Thu hút và sử dụng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)”, *Tạp chí nghiên cứu quốc tế*, số 112, tháng 3/2018.

20. Vũ Minh (2018), “Đổi mới chiến lược trong thu hút đầu tư nước ngoài”, *Báo Nhân Dân*, ngày 6/10/2018.

21. Web An ninh Tiền tệ và truyền thông (2017), “Tại sao các ngân hàng Việt Nam lại tập trung vào lĩnh vực bán lẻ?”, ngày 9/6/2017. Truy cập ngày 5/9/2018.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Quan hệ quốc tế, VCCI (2016), *40 Years of Vietnam - Philippines Relations Towards Comprehensive Cooperation*, Posted: Monday, July 11, 2016.
2. Ban quan hệ quốc tế, VCCI (2016,2018), *Hồ sơ thị trường Philippines*.
3. Bộ ngoại giao (2010), *Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia.
4. Bộ ngoại giao Việt Nam (2018), *Thông tin cơ bản về Philippines và quan hệ Việt Nam - Philippines*, tháng 12/2018, <http://mofahcm.gov.vn>, truy cập ngày 11/12/2019.
5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục Đầu tư nước ngoài (2018), *Tình hình thu hút Đầu tư nước ngoài năm 2018*, Trang Thông tin điện tử đầu tư nước ngoài (FIA Việt Nam), ngày 25/12/2018.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
7. Đinh Quý Độ (1997), *Kinh tế Philippin*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Doanh nhân Sài Gòn (2014), “Sóng ngầm Philippines tại thị trường Việt Nam”, ngày 31/8/2014.
9. Ngô Lực Tải (2012), *Kinh tế biển Việt Nam trên đường phát triển và hội nhập*, NXB Tổng hợp TP HCM.
10. Nguyễn Bảo (2014), “Ngựa ô Philippines”, *báo Doanh nhân Sài Gòn*, ngày 18/7/2014.
11. Nguyễn Thị Thu Hiền (2018), “Những lợi